TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 11 – 2025
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ninh;

Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên toà: ông Huỳnh Tấn Lộc – Thư ký Toà án nhân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn A:* ông Đặng Vĩnh N, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp G, xã P, tỉnh Tây Ninh (uỷ quyền giao nộp và nhận tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng theo văn bản uỷ quyền ngày 03/9/2025).

- *Bị đơn*: bà Huỳnh Thu N1, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố R, phường G, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thu N1 chung sống với nhau từ năm 1999, do tự nguyện nhưng không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Khi về sống chung với nhau, ông và bà N1 sinh sống tại nhà bà N1 thuộc khu phố R, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố R, phường G, tỉnh Tây Ninh). Đến năm 2014, ông, bà phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và bất đồng về quan điểm, tính cách nên ông về sống với cha mẹ tại ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp A, xã P, tỉnh Tây Ninh) còn bà N1 vẫn sinh sống tại địa chỉ cũ cho đến nay.

Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N1.

Về con chung: ông và bà N1 có 01 người con chung tên N. H. K T, sinh ngày 28/12/2000. Cháu T hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên ông A không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: ông A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: ông A trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 10 năm 2025, bị đơn – bà Huỳnh Thu N1 trình bày:

Bà N1 thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông A về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, N nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân là đúng. Nay ông A yêu cầu ly hôn, bà N1 cũng đồng ý ly hôn với ông A.

Về con chung: bà và ông A có 01 người con chung như ông A trình bày. Con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà N1 cũng không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N1 trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ Điều 14, Điềub 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: không công nhận ông Nguyễn Văn A và bà Huỳnh Thu N1 là vợ chồng; về con chung: đã thành niên nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết; về án phí: được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của Nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn A và bà Huỳnh Thu N1 vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông A, bà N1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn A và bà Huỳnh Thu N1 đều thống nhất trình bày, ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Kết quả xác

minh tại Uỷ ban nhân dân phường G và Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh thể hiện, từ năm 1999 cho đến nay, ông A và bà N1 không có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn G (nay là phường G) và Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh. Như vậy, việc ông A và bà N1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn A và bà Huỳnh Thu N1.

[3] Về con chung: ông A và bà N1 trình bày ông, bà có 01 người con chung tên N. H. K. T, sinh ngày 28/12/2000. Cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên ông A, bà N1 thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông A và bà N1 trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông A là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn A và bà Huỳnh Thu N1.

2. Về con chung: có 01 người tên N. H. K. T, sinh ngày 28/12/2000. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông A, bà N1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: ông A được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: ông A, bà N1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Yến